TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 2 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 2 · Đề số 41

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 30 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau lập từ ba chữ số 9, 1, 4 là:

A. 94 **B.** 14 **C.** 99 **D.** 91

Câu 2. *(0,5 điểm)* Số thích hợp điền vào chỗ chấm trong dãy: 6, 12, 18, ……, 30, 36

A. 30 **B.** 23 **C.** 24 **D.** 25

Câu 3. *(0,5 điểm)* Dấu thích hợp điền vào chỗ chấm: 58 − 22 + 6 …… 56 + 21 − 29

A. > **B.** < **C.** =

Câu 4. *(0,5 điểm)* Vy có 37 viên bi, Mai có nhiều hơn Vy 13 viên bi. Mai có số viên bi là:

A. 50 **B.** 24 **C.** 59 **D.** 45

Câu 5. *(0,5 điểm)* Tổng của hai số là 75, số hạng thứ nhất là 39. Số hạng thứ hai là:

A. 26 **B.** 46 **C.** 36 **D.** 37

Câu 6. *(0,5 điểm)* Ngày 9 tháng 12 là thứ Năm. Ngày 23 tháng 12 cũng là thứ mấy?

A. thứ Sáu **B.** thứ Hai **C.** thứ Bảy **D.** thứ Năm

Câu 7. *(0,5 điểm)* Độ dài đường gấp khúc ABCDE là:

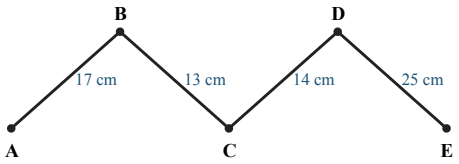

A. 59 cm **B.** 44 cm **C.** 79 cm **D.** 69 cm

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình bên có bao nhiêu hình tam giác?

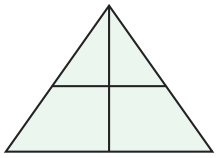

A. 4 **B.** 7 **C.** 5 **D.** 6

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Trong phép trừ 79 − 30 = 49, số 30 là hiệu	
b) Trong phép trừ 79 − 30 = 49, số 79 là số bị trừ	
c) Số lớn nhất có hai chữ số khác nhau là 99	
d) 42 − 17 = 35	

Câu 10. *(1 điểm)* Tính:

a) 22 + 17 + 23 = ……

b) 61 − 48 + 33 = ……

c) 58 + 7 + 32 = ……

d) 21 l + 34 l − 24 l = …… l

Câu 11. *(1 điểm)* Ngày 2 tháng 12 là Chủ nhật. Biết tháng 12 có 31 ngày. Viết vào chỗ chấm:

a) Ngày 22 tháng 12 là thứ ……

b) Tháng 12 năm đó có …… ngày Chủ nhật

c) Ngày Chủ nhật cuối cùng của tháng 12 là ngày ……

Câu 12. *(1 điểm)* Quan sát hai đồng hồ rồi viết vào chỗ chấm:





a) Đồng hồ thứ nhất chỉ …… giờ …… phút

b) Đồng hồ thứ hai chỉ …… giờ …… phút

Câu 13. *(1 điểm)* Đếm hình:



a) Hình bên có …… hình tứ giác.

Câu 14. *(1 điểm)* Mai có 47 nhãn vở. Mai cho Hoa 19 nhãn vở, sau đó mẹ mua thêm cho Mai 9 nhãn vở. Hỏi lúc này Mai có bao nhiêu nhãn vở?

a) Sau khi cho Hoa, Mai còn: …… nhãn vở

b) Lúc này Mai có: …… nhãn vở

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 2 · Đề số 41

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	C	B	A	C	D	D	D

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) S; b) Đ; c) S; d) S

Câu 10.

a) 22 + 17 = 39; 39 + 23 = 62

b) 61 − 48 = 13; 13 + 33 = 46

c) 58 + 7 = 65; 65 + 32 = 97

d) 21 + 34 = 55; 55 − 24 = 31

Câu 11.

a) Đếm thêm từ ngày 2 (Chủ nhật) đến ngày 22: thứ Bảy

b) Các ngày Chủ nhật: 2, 9, 16, 23, 30: có 5 ngày

c) Ngày 30

Câu 12.

a) 1 giờ 30 phút (hay 1 giờ rưỡi)

b) 2 giờ 15 phút

Câu 13.

Có 4 hình nhỏ, 4 hình ghép từ 2 ô và 1 hình lớn: 9 hình tứ giác.

Câu 14.

Sau khi cho: 47 − 19 = 28 (nhãn vở)

Lúc này: 28 + 9 = 37 (nhãn vở)